

CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI Ở VIỆT NAM: MỘT NHẬN DIỆN

PHẠM BÍCH SAN*

1. Các tổ chức xã hội ở Việt Nam: sự biến đổi theo thời gian

Cùng với sự đô hộ của thực dân Pháp tại Việt Nam vào cuối thế kỷ 19, nhiều loại hình tổ chức xã hội hiện đại bắt đầu xuất hiện như hội, đoàn thể, phong trào hướng đạo sinh, hội truyền bá quốc ngữ... Khái niệm hội đã được phổ biến ở Việt Nam và nhiều hoạt động hội đã mang lại hiệu quả thiết thực cho sự phát triển lòng yêu nước và dân trí như Đông Kinh Nghĩa Thục, Duy Tân... (Chương Thuấn, 2007). Trong quá trình vận động cách mạng trước năm 1945, quyền lập hội và hội họp luôn được Đảng Cộng sản Việt Nam đề cao như là một mục tiêu quan trọng cần phải giành được từ chính quyền thực dân Pháp (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1977).

Sau Cách mạng tháng 8 năm 1945 và kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp năm 1954, ở miền Bắc Việt Nam đã có một số tổ chức đoàn thể quần chúng được thành lập và trong một thời gian dài giữ vai trò quan trọng trong việc củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Theo mô hình xây dựng xã hội chủ nghĩa, những tổ chức xã hội lớn ở miền Bắc là Mặt trận Tổ quốc, Tổng Liên đoàn Lao động, Đoàn Thanh niên và Hội Phụ nữ là những đoàn thể chính trị - xã hội được Đảng Cộng sản Việt Nam lập ra nhằm tiếp cận và vận động quần chúng tham gia, ủng hộ các đường lối, chính sách của Đảng. Một số hội nghề nghiệp cũng được lập ra thời gian này như Hội Luật gia, Tổng hội Y học và một vài hội hoạt động trong lĩnh vực văn học nghệ thuật, khoa học... nhằm quản lý những người tham gia với sự bao cấp đầy đủ và toàn diện cho các hội, tương xứng với trình độ phát triển lúc đó.

Kể từ khi đất nước thống nhất năm 1975, các tổ chức xã hội của Việt Nam đã trải qua ba giai đoạn phát triển với những đặc trưng và hiện diện khác nhau sau đây.

1.1. Giai đoạn 1975-1985

Thời kỳ này được đặc trưng bởi sự phục hồi đất nước theo mô hình kế hoạch hóa tập trung: nền kinh tế được kế hoạch hoá chặt chẽ và kinh tế tư nhân không được khuyến khích. Hòa bình lập lại cũng đem lại một sự hồi phục các hoạt động xã hội trong nhân dân, bên ngoài những hoạt động của nhà nước, mà các tổ chức xã hội không đáp ứng được đầy đủ. Trước nhu cầu đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thành lập thêm hai tổ chức chính trị xã hội mới là Hội Nông dân¹ (1979) và Hội Cựu chiến binh (1989) nhằm bao quát thêm hai nhóm đối tượng quần chúng rất quan trọng ở Việt Nam. Đồng thời, cũng

* Viện Nghiên cứu Tư vấn và Phát triển, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

¹ Lúc đầu mang tên "Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam".

theo cách tiếp cận đó, dần dần xuất hiện thêm các tổ chức xã hội triển khai các chính sách trong các nhóm nghề nghiệp hay loại hình hoạt động lớn như nhóm khoa học và kỹ thuật, nhóm doanh nghiệp, nhóm các quan hệ quốc tế, nhóm hợp tác xã, nhóm từ thiện... được gọi chung là *các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp* với đặc trưng là chịu sự quản lý trực tiếp của các ban chuyên trách của Đảng Cộng sản Việt Nam thông qua các đảng đoàn. Nhằm thỏa mãn nhu cầu sinh hoạt nghề nghiệp, trong giai đoạn này, nhiều hội nghề nghiệp cũng được Chính phủ cho phép thành lập với các hoạt động có tính thuần túy chuyên môn, tự quản và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

1.2. Giai đoạn 1986 - 1995

Công cuộc Đổi mới được triển khai từ năm 1986 cho phép phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. nền kinh tế nước ta được phục hồi và bắt đầu phát triển, nhất là công nghiệp khai khoáng và những ngành sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nhưng cũng phát sinh một số hậu quả xã hội không mong muốn, đặc biệt là trong y tế, giáo dục cho người dân ở tại vùng sâu vùng xa cũng như trong những nhóm xã hội đặc thù như dân tộc thiểu số, phụ nữ, trẻ em (Phạm Bích San, 2003; Trương Lai, 1995; Trương Lai và Phạm Bích San, 1989). Từ đó, xuất hiện nhu cầu của xã hội quan tâm và bảo vệ lợi ích cho các cộng đồng và các nhóm đặc thù đó trong quá trình hình thành nền kinh tế thị trường, cũng như hỗ trợ những nhóm bị tác động trong những tình huống khẩn cấp nhằm đảm bảo ổn định xã hội. Trong khi đó, sự hội nhập trở lại với đời sống quốc tế cho phép các tổ chức phi chính phủ quốc tế vào Việt Nam với những hoạt động đa dạng, phương thức hoạt động và mô hình tổ chức mới mà nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân đối với những vấn đề mà đời sống xã hội đặt ra (Bộ Ngoại giao, 2007). Cùng với các hội và hiệp hội ngành nghề, các tổ chức khoa học ngoài công lập cùng một số các tổ chức bảo trợ xã hội được thành lập để đón nhận và đáp ứng những đòi hỏi mới mẻ này. Điểm lưu ý ở đây là mặc dù mang danh nghĩa là các tổ chức khoa học, những hoạt động của họ không chỉ tập trung trong lĩnh vực khoa học mà còn bao gồm cả những hoạt động can thiệp và hỗ trợ cộng đồng.

Giai đoạn này cũng được đặc trưng bởi sự phục hồi của các tổ chức xã hội kiểu truyền thống như các hội đồng hương, đồng tuế cũng như bắt đầu xuất hiện ở nhiều nơi, đặc biệt là ở các tỉnh phía Nam, các tổ chức cộng đồng, các tổ chức phi lợi nhuận, tự thành lập để hỗ trợ cho các nhóm yếu thế trong xã hội.

1.3. Giai đoạn 1996 - 2015

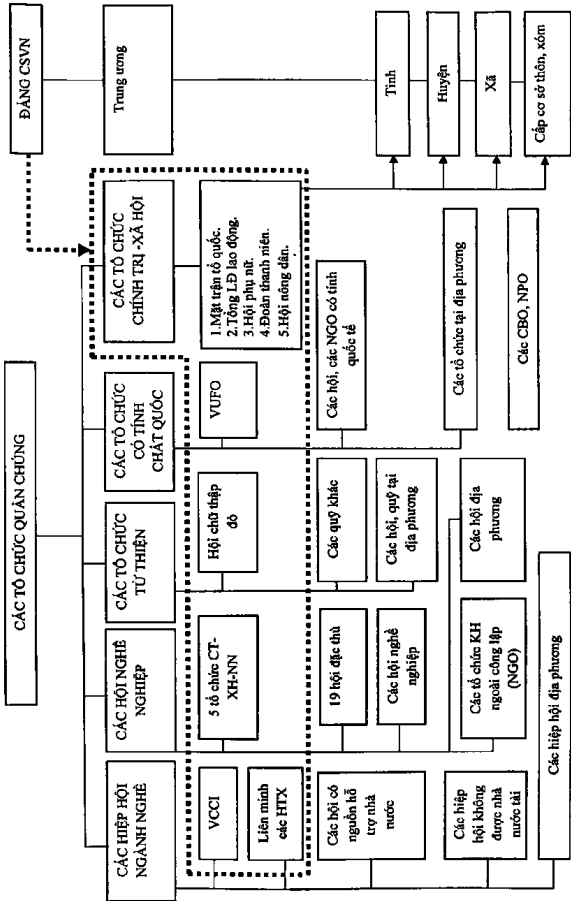
Kể từ năm 1995, Việt Nam nỗ lực xây dựng các định chế quản lý kinh tế và xã hội theo định hướng thị trường và hội nhập quốc tế. Luật Doanh nghiệp đã tạo tiền đề cho doanh nghiệp tư nhân phát triển trong khi thu hẹp dần từng bước vai trò của các doanh nghiệp nhà nước, những tổ chức vốn chi phối toàn bộ nền kinh tế Việt Nam. Quá trình cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước được triển khai. Thu nhập người dân tăng khá nhanh và Việt Nam đã thoát khỏi mức nghèo vào năm 2010 để bước vào nhóm nước có thu nhập trung bình. Việt Nam đã phục hồi từ các tác động của chiến tranh và đói nghèo để trở thành một quốc gia bình thường trong cộng đồng các dân tộc trên thế giới.

Cùng với kinh tế, tổ chức nhà nước dần được hiện đại hoá theo các tiêu chuẩn chung của quốc tế với sự tham gia ngày càng nhiều của xã hội dân sự. Đã có sự bùng nổ các tổ chức xã hội thuộc tất cả các loại và theo các mô hình tổ chức khác nhau: 1) Các tổ chức chính trị xã hội; 2) Các tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp; 3) Các hội nghề nghiệp và hiệp hội ngành nghề; 4) Các tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập; 5) Các quỹ xã hội, quỹ từ thiện; 6) Các cơ sở bảo trợ xã hội; 7) Các tổ chức cộng đồng, các tổ chức phi lợi nhuận; 8) Các tổ chức phi chính phủ quốc tế. Tuy chưa có con số thống kê chính xác, nhưng theo Thời báo Kinh tế Sài Gòn, hiện có khoảng 500 hội cấp trung ương, 4.000 hội cấp tỉnh và 10.000 hội cấp huyện và xã; 1.800 tổ chức phi chính phủ (NGO) gồm các tổ chức khoa học ngoài công lập, bảo vệ môi trường, y tế giáo dục; 150 hiệp hội ngành nghề, khoảng vài trăm quỹ và trên 900 tổ chức phi chính phủ quốc tế (INGO) đang hoạt động tại Việt Nam. Ba thành phố lớn Hà Nội, Hồ Chí Minh và Đà Nẵng lần lượt có hơn 500 hội, gần 600 hội và 445 hội (Tur Giang, 2015). Ngoài ra, theo một đánh giá quốc tế còn có không dưới 140.000 các tổ chức dựa vào cộng đồng (CBO) và các tổ chức phi lợi nhuận (NPO), những tổ chức chưa có hành lang pháp lý đặc thù của mình, đang hoạt động (Thayer, 2009). Tầm hoạt động và lĩnh vực hoạt động của các tổ chức xã hội cũng đa dạng và kỹ năng hoạt động ngày càng thuần thục và được nâng cao, tham gia ngày càng nhiều hơn vào các hoạt động tư vấn, phân biện và giám sát chính sách (Bộ Nội vụ, 2010).

Nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng, từ cuối năm 2012, các Ban Kinh tế trung ương, Ban Nội chính trung ương đã tái thành lập. Tiếp đó là sự tăng cường mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thông qua việc cử một ủy viên Bộ Chính trị làm Chủ tịch Mặt trận cũng như tăng kinh phí cho hoạt động của Mặt trận. Với sự đẩy mạnh hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, Việt Nam hy vọng rằng hoạt động của các tổ chức xã hội sẽ có những nhiệm vụ và thách thức mới trong việc vừa đảm bảo tuân thủ các đường hướng chính trị của Đảng, vừa đáp ứng đầy đủ các nhu cầu của một xã hội hiện đại đang phát triển nhanh và hội nhập toàn diện vào cộng đồng ASEAN cũng như thế giới.

Hiện tại, nhìn chung về số lượng, lĩnh vực hoạt động và trình độ làm việc của các tổ chức xã hội đều đã tiếp cận về cơ bản tới mức chung của khu vực. Có thể thấy qua Hình 1 dưới đây cách phân loại các tổ chức xã hội theo cách quản lý của Việt Nam.

Hình 1: CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI Ở VIỆT NAM



2. Hiện trạng hoạt động của các tổ chức xã hội

Hoạt động của các tổ chức xã hội ở Việt Nam hết sức khác nhau tùy thuộc nhiều vào mối quan hệ của họ với nhà nước, đồng thời mỗi quan hệ đó cũng cho phép tận dụng để triển khai các hoạt động ngoài nhà nước.

2.1. Các tổ chức xã hội được nhà nước bao cấp

Có ba nhóm tổ chức xã hội được nhà nước bao cấp. Nhóm thứ nhất gồm có 6 tổ chức (đoàn thể) chính trị xã hội với các luật, hay pháp lệnh, đặc thù quy định riêng cho từng tổ chức: Mặt trận Tổ quốc, Tổng Liên đoàn Lao động, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh. Đặc điểm lớn nhất của các đoàn thể chính trị - xã hội là được ngân sách nhà nước bao cấp cho hoạt động của mình đến tận cơ sở. Các cán bộ được nhận lương và trợ cấp theo các thang bậc như các công chức, viên chức nhà nước và toàn bộ các cơ sở vật chất đều do nhà nước trang bị ở cấp độ tương đương với một bộ. Ngoài ra, họ được sự hỗ trợ lớn lao của hệ thống các doanh nghiệp nhà nước và có một sự mặc định bất thành văn là các chi phí của doanh nghiệp nhà nước cho các đoàn thể chính trị - xã hội để hỗ trợ hoạt động của họ có thể được coi là những chi phí hợp lý khi cần thiết.

Nhiệm vụ chính hiện nay của các đoàn thể chính trị xã hội là tuyên truyền, phổ biến và tổ chức cho người dân thuộc nhóm đặc thù của mình, hoặc toàn thể nhân dân trong trường hợp Mặt trận Tổ quốc, thực hiện đường lối chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam. Theo thuật ngữ hiện hành đây là các hoạt động dân vận. Và ở chừng mực nhất định, các đoàn thể chính trị xã hội cũng chuyển tải những kiến nghị, ý kiến của người dân thuộc nhóm mình theo dõi cho ban lãnh đạo của Đảng, hoặc nói theo thuật ngữ hiện nay là tiến hành các hoạt động giám sát đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước. Dù vẫn đang hoạt động và được đầu tư rất lớn, nhưng các tổ chức này có xu hướng hành chính hóa và xa dần với cách tiếp cận đi vào quần chúng, cái vốn đặc trưng cho các tổ chức này lúc khởi đầu (Nguyễn Đức Thành và cộng sự, 2015: 102).

Nhóm thứ hai, các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp (CT-XH-NN). Có tất cả 9 tổ chức thuộc loại này ở Việt Nam. Đó là: 1) Liên hiệp các tổ chức hoà bình và hữu nghị (VUFO); 2) Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (VUSTA); 3) Liên hiệp các hội văn học và nghệ thuật Việt Nam (VULA); 4) Hội Nhà báo Việt Nam; 5) Hội Luật gia Việt Nam; 6) Hội Nhà văn Việt Nam; 7) Hội Chữ thập đỏ Việt Nam; 8) Liên minh các hợp tác xã Việt Nam và 9) Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) (Về sau này có thêm Liên đoàn Luật sư Việt Nam và Hội Người cao tuổi Việt Nam). Các tổ chức này có mục đích nhằm duy trì và phát triển sự lãnh đạo của Đảng trong các nhóm nghề nghiệp với hai vai trò: 1) làm hình mẫu cho việc thực hiện các chính sách của Đảng trong các loại hình tổ chức quần chúng tương ứng và 2) tạo ảnh hưởng lên các tổ chức khác cùng loại hình khi cần thiết. Như vậy, VUFO định hướng cho các tổ chức hội có tính quốc tế, cả trong nước lẫn quốc tế; VUSTA, VULA, Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Luật gia Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam định hướng cho các hội nghề nghiệp; Hội Chữ thập đỏ Việt Nam định hướng cho các hội và quỹ từ thiện; Liên minh

các hợp tác xã Việt Nam và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam định hướng cho các hiệp hội ngành nghề.

Chức năng của các tổ chức CT-XH-NN này là tập hợp người dân theo một số nghề nghiệp hoặc hoạt động đặc thù, có khả năng tác động lớn đến sự ổn định xã hội, nhằm đảm bảo các chính sách của Đảng và nhà nước được thực thi nghiêm chỉnh và đầy đủ ở những nhóm dân cư riêng biệt. Các hội dạng này được nhà nước bao cấp đến tận cấp tỉnh, theo quyết định 68/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, nhưng không đương nhiên mà phải thương thảo với từng tỉnh để xác định nhu cầu cụ thể của địa phương nhằm có thể mở cơ sở ở tỉnh. Ngoài ra còn có một số tổ chức khác cũng được bao cấp như vậy như Liên đoàn Luật sư, Hội Người cao tuổi theo những quyết định riêng. Cơ sở vật chất cũng được nhà nước bao cấp nhưng mức độ tùy thuộc vào sự vận động và hoạt động của từng tổ chức, và nhìn chung được đầu tư tương đương với một cơ quan cấp tổng cục tuy người đứng đầu có thể nhận lương theo cấp bộ trưởng.

Nhóm thứ ba, được bao cấp ở trung ương, gồm có tất cả 19 tổ chức như Tổng hội Y học, Hội Đông y, Hội mùa... theo quyết định 68/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và cũng hoạt động như nhóm trên. Họ phân bố rải rác trong các khối khác nhau của các tổ chức xã hội theo mô hình quản lý của Việt Nam nhằm tăng cường thêm sức mạnh, theo già định, cho các tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp. Nguồn bao cấp của nhà nước cho họ tương đối hạn chế: chủ yếu là lương và một số kinh phí để cơ quan vận hành, còn các hoạt động hằng ngày tùy thuộc vào khả năng quan hệ của bản thân tổ chức cũng như khả năng đáp ứng đòi hỏi thị trường. Hiện nay không có giải thích rõ vì sao những tổ chức này được bao cấp và điều này đang tạo ra sự thắc mắc lớn trong các hội.

Hoạt động của các tổ chức thuộc hai dạng sau này về cơ bản cũng như nhóm các đoàn thể chính trị - xã hội nhưng tập trung nhiều hơn vào các nhóm đặc thù của mình và đang trên bước đường hành chính hoá cách vững chắc như các tổ chức nhóm trên. Họ cũng chịu sự quản lý của Bộ Nội vụ.

2.2. Các tổ chức xã hội nghề nghiệp

Các tổ chức xã hội nghề nghiệp được tổ chức cho người dân có thể tham gia theo nghề nghiệp của mình nhằm chia sẻ các vấn đề liên quan đến nghề nghiệp. Các hội nghề nghiệp tồn tại độc lập, chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, Vụ Các tổ chức phi chính phủ, và có thể là của Bộ chuyên ngành có liên quan nếu lĩnh vực hoạt động có một bộ chuyên ngành như thế. Lãnh đạo các hội được bầu thường là những cán bộ lãnh đạo nhà nước về hưu, và bằng cách đó các hội giữ mối quan hệ chặt chẽ với các bộ chủ quản để có thể nhận được một sự hỗ trợ cho hoạt động của mình. Các hội nghề nghiệp hiện hoạt động theo chuyên môn của mình trong những việc như tổ chức hội nghị, đào tạo, phổ biến thông tin, giao lưu giữa các hội viên... Một số hội năng động có thể được giao thực hiện những dịch vụ công do cơ quan nhà nước chuyển giao như Hội Kiểm toán Việt Nam được quyền cấp chứng chỉ hành nghề kiểm toán ở Việt Nam... Hội này cũng tham gia đóng góp ý kiến cho nhà nước đối với các chính sách hay dự án khi được yêu cầu.

Tuy nhiên, nhiều hội hiện vẫn chưa xác định được nội dung các hoạt động của mình theo mô hình các hội hiện đại và số người tham gia vào đây thường có tuổi đời cao. Do không được bao cấp và không quen với cơ chế thị trường, nhiều hội hiện gặp khó khăn rất lớn về nguồn kinh phí để hoạt động do: 1) Sự tồn tại không bình đẳng giữa các hội được bao cấp và không bao cấp khiến cho sự tài trợ của nhà nước bị hút vào các hội bao cấp bất kể hiệu quả công việc của họ như thế nào; 2) Các doanh nghiệp nhà nước chiếm phần lớn nguồn lực xã hội có khuynh hướng chỉ tài trợ cho các tổ chức chính trị xã hội; 3) Nhiều dịch vụ công vẫn do các cơ quan quản lý nhà nước nắm giữ chưa được chuyển giao lại cho các hội và 4) Hội phí rất thấp và không thu được đầy đủ.

2.3. Các hiệp hội ngành nghề

Các hiệp hội ngành nghề được tổ chức theo các nhóm ngành sản xuất. Họ thu thập và cung cấp thông tin cho các thành viên của mình, đứng ra bảo vệ quyền lợi của giới doanh nghiệp và tiến hành nhiều hoạt động vận động chính sách liên quan đến ngành nghề của mình cả trong và ngoài nước. Ngoài VCCI và Liên minh các hợp tác xã Việt Nam được bao cấp đến tỉnh, như các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, nhiều tổ chức hiệp hội được sự hỗ trợ của nhà nước và hoạt động như một cánh tay nối dài của chính phủ trong các hoạt động liên quan như Hiệp hội sản xuất và chế biến thủy hải sản (VASEP), Hiệp hội sản xuất mía đường, Hiệp hội da giày... Các hiệp hội lớn cũng chịu sự chỉ đạo của các ban tương ứng của Đảng như Ban dân vận và Ban Kinh tế trong khi các hiệp hội nhỏ hơn thường có sự tham vấn với các bộ liên quan.

Hiện tại ở Việt Nam các hiệp hội ngành nghề hoạt động có tính chất của các hoạt động hội tuy liên quan nhiều hơn đến các yếu tố thị trường và quyền lợi của các nhà sản xuất. Họ đặc biệt tích cực trong các hoạt động chính sách có liên quan đến các lĩnh vực kinh doanh thuộc ngành nghề của họ, và ý kiến của họ thường có trọng lượng cao và chất lượng cao, tuy nhiều khi có thể mang màu sắc lợi ích nhóm. Nhiều hội rất tích cực bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường quốc tế như VASEP. Nguồn kinh phí hoạt động của các tổ chức này tương đối dồi dào do các doanh nghiệp đóng góp và những hoạt động kinh doanh cung cấp dịch vụ có thể có của chính bản thân các hiệp hội.

2.4. Các tổ chức phi chính phủ (NGO)

Hiện chưa có hành lang pháp lý rõ ràng cho các tổ chức phi chính phủ nhưng các tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập đang thực hiện tốt chức năng này. Đồng thời là một số các tổ chức bảo trợ xã hội do một số bộ, như Bộ Tư pháp hay Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cho phép đăng ký thành lập cũng hoạt động theo hướng này. Ở đây cũng có ba nhóm với những sự khác biệt rõ nét liên quan đến kinh phí hoạt động.

Nhóm thứ nhất hoạt động dựa trên căn bản các tài trợ quốc tế. Đây là nhóm mang đậm phong cách NGO hiện đại nhất và cũng chịu nhiều rủi ro nhất do các định kiến từ phía các cơ quan quản lý và sự hăng hụt khi các tổ chức quốc tế rút khỏi Việt Nam, về cơ bản, sau khi Việt Nam đã đạt nước có thu nhập trung bình. Các hoạt động của nhóm này đi sát với các chủ đề quốc tế quan tâm, cùng với thời gian, như dân số, sức khỏe sinh sản,

HIV/AIDS, bình đẳng giới, quyền trẻ em, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ quyền lợi cho bà con dân tộc thiểu số, môi trường, quyền con người. Nhờ sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, đa số các NGO này có phong cách tổ chức hiện đại cùng việc tiến hành công việc bài bản tạo nên dấu ấn đặc biệt cho nhóm này. Họ đang có xu hướng tham gia ngày càng tích cực hơn trong việc đóng góp cho các chính sách của nhà nước và phản ánh ý nguyện của các nhóm đặc thù và người dân cho các cơ quan chính quyền. Lãnh đạo các tổ chức này thường trẻ và thông thạo, am hiểu các tổ chức quốc tế. Tuy nhiên, chi phí cho các hoạt động của các tổ chức cao và chủ đề nhiều khi quá xa so với sự quan tâm của Việt Nam là vấn đề lớn đối với họ.

Nhóm thứ hai hoạt động dựa nhiều vào các hợp đồng ký với nhà nước và thường có các quan hệ rất tốt với các cơ quan nhà nước. Công việc của họ, do vậy, khá phù hợp với các nhiệm vụ nhà nước đang đặt ra và cần giải quyết. Một số tổ chức đang làm tốt chức năng "think tank" tư vấn chính sách cho các đối tác. Phong cách hoạt động của nhóm này mang nhiều dấu ấn của các cơ quan nhà nước và có nhiều tổ chức do các quan chức nhà nước về hưu lập ra hay đứng đầu. Đóng góp của họ trong lĩnh vực chính sách trong nhiều trường hợp khá hiệu quả do am hiểu tình hình, có thể có các tư vấn hợp lý và thông hiểu cách tiếp cận với cơ quan nhà nước. Khó khăn lớn nhất của các tổ chức thuộc nhóm này là không tạo dựng được nguồn tài chính ổn định lâu dài và độ minh bạch giải trình còn mong muốn được cải thiện nhiều. Nhiều tổ chức có tuổi đời hoạt động hiệu quả không quá bốn năm, tùy thuộc vào quan hệ của người đứng đầu với các cơ quan làm việc trước đây.

Nhóm thứ ba hoạt động dựa nhiều vào các nguồn thu trên thị trường. Họ hoạt động mang nhiều phong cách của các doanh nghiệp hơn là các tổ chức phi chính phủ và, đặc biệt, nhiều tổ chức trong số này đang cố gắng ứng dụng khoa học và công nghệ vào cuộc sống. Nhiều tổ chức khác đang hoạt động như là các tổ chức từ thiện thu hút nguồn lực xã hội để hỗ trợ cho các nhóm yếu thế. Trong tương lai, khi các doanh nghiệp tư nhân Việt Nam lớn mạnh hơn, Luật Doanh nghiệp sửa đổi thì triển vọng của họ sẽ sáng sủa hơn và nhiều tổ chức sẽ chuyển sang hoạt động theo kiểu doanh nghiệp xã hội.

Nhìn chung, các tổ chức phi chính phủ hiện đang là nhóm nòng cốt trong các tổ chức xã hội nhằm tiến hành các hoạt động ngoài nhà nước, không phải tư nhân với sự năng động và chuyên nghiệp rõ rệt. Nhưng nguồn kinh phí cho hoạt động của họ không ổn định do kinh tế thị trường và doanh nghiệp tư nhân chưa đủ phát triển, trong khi xã hội chưa có thói quen đóng góp cho các tổ chức phi chính phủ nhằm giải quyết những vấn đề xã hội mà hiện vẫn chỉ quen đóng góp cho các tổ chức tôn giáo và từ thiện.

2.5. Các tổ chức phi lợi nhuận (NPO) và các tổ chức cộng đồng (CBO)

Có rất nhiều tổ chức loại này đang hoạt động ở Việt Nam nhằm đáp ứng các nhu cầu đa dạng của xã hội: từ cung cấp cơm từ thiện cho bệnh nhân nghèo, mua dưa hấu cho nông dân Quảng Ngãi đến tổ chức săn bắt cướp. Đây là các tổ chức có tính chất tự nguyện, tính chất từ thiện cao, hoạt động theo địa bàn. Do hành lang pháp lý cho sự tồn tại của họ chưa có nên rất khó để định hình họ. Tuy nhiên, có thể khẳng định rằng đang có

một sự bùng nổ các tổ chức như vậy. Và cũng đang xuất hiện nhu cầu tạo dựng một hành lang pháp lý tối thiểu cho hoạt động của các tổ chức dạng này. Đặc biệt, sức lan toả và khả năng giám sát xã hội của các nhóm này, cùng với sự phát triển của thông tin mạng, đang trở nên hết sức nhanh nhạy và hiệu quả. Tuy nhiên, cách tổ chức của các nhóm này khá lỏng lẻo và cần phải có những hoàn thiện và nâng cao năng lực lớn trong tương lai, nếu muốn nâng cao hiệu quả hoạt động của họ.

2.6. Các tổ chức xã hội khác

Các tổ chức xã hội khác như quỹ, đơn vị bảo trợ xã hội cũng đang trong quá trình hình thành và phát triển. Do sự tăng thu nhập của người dân và kinh tế tư nhân phát triển, những tổ chức loại này ngày càng có cơ sở kinh tế để tồn tại. Đồng thời, họ cũng đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu từ thiện của người dân. Nhiều quỹ đang hoạt động rất hiệu quả, như *Quỹ Com có thị*, thu hút được lòng kính trọng và sự tham gia của nhiều tầng lớp xã hội khác nhau, nhất là trong điều kiện nhiều người dân không được rõ ràng về việc sử dụng đóng góp của họ trong một số các chương trình xã hội đang được triển khai.

Trong khi đó, nhiều tổ chức NGO, từ thiện quốc tế, vốn đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành xã hội dân sự Việt Nam, theo một số nhận định, sẽ rút ra vào khoảng năm 2018. Hiện đang có xu hướng mới là hình thành các doanh nghiệp xã hội và một số tổ chức quốc tế đang tích cực cổ vũ cho khuynh hướng này như một số dự án lớn của USAID (GIG, Healthy Market...).

3. Các tổ chức xã hội với sự phát triển đáp ứng nhu cầu thực tế: một số nhận xét

Nhìn chung có thể thấy rằng sức mạnh của nhóm các tổ chức chính trị - xã hội dựa trên quyền lực nhà nước, nhóm các hiệp hội ngành nghề dựa vào năng lực tài chính từ doanh nghiệp và thị trường, nhóm các hội nghề nghiệp dựa vào kỹ năng chuyên môn, nhóm các tổ chức phi chính phủ dựa vào sự năng động, tinh chuyên nghiệp và cách tổ chức hiện đại, nhóm các tổ chức phi lợi nhuận trông chờ ở số lượng đồng đảo và sự bám sát địa bàn trong khi các nhóm khác dựa vào sự thoả mãn nhu cầu đa dạng của xã hội trong hoạt động từ thiện nhờ năng lực của các doanh nghiệp và các nhà hảo tâm.

Hiện khó có thể nói về những đóng góp chính của các tổ chức chính trị xã hội là phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Trong khi đó, hoạt động năng nổ nhất hiện nay là nhóm các hiệp hội ngành nghề do đòi hỏi của nền kinh tế thị trường cũng như lĩnh vực hoạt động của các hiệp hội này tương đối ít nhạy cảm về chính trị, trong khi khả năng động trong việc vận động chính sách, phát triển thị trường và bảo vệ lợi ích của các doanh nghiệp. Khó có thể tưởng tượng sự hình thành nền kinh tế thị trường hiện đại Việt Nam thiếu sự hiện diện của các tổ chức này.

Nhóm các hội không được nhà nước bao cấp đang hướng tới phục vụ cho các mục tiêu của mình tuy chưa có các phương thức hoạt động thật hữu hiệu. Theo định hướng của nhà nước, trong các quyết định QĐ 22/Tt, 2/2002 và QĐ14/Tt, 2/2014, họ đang bắt

đầu tiên hành các hoạt động liên quan đến tư vấn, phân biện và giám định chính sách xã hội và tiếp nhận các dịch vụ công từ phía các cơ quan của chính phủ (Phạm Bích San, 2009). Những hoạt động này trong tương lai sẽ tạo nên một sự giám sát xã hội hiệu quả đối với các chính sách cũng như làm cho các dịch vụ công mang một hình thức cởi mở và có hiệu quả hơn. Điều này là hết sức cần thiết cho sự vận hành trơn tru của nền kinh tế thị trường. Nếu có các dạng hoạt động mới phù hợp, các hội sẽ rất hữu hiệu trong việc nâng cao mức độ ổn định xã hội.

Nhóm các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức phi lợi nhuận và các quỹ đang là những nhóm rất năng động trong các hoạt động chuyên biệt của mình, điều góp phần tạo dựng sự ổn định xã hội trong điều kiện chuyển nhanh nền kinh tế thị trường với sự phân tầng xã hội mạnh mẽ, cũng như góp phần giảm thiểu những tác động không mong muốn của kinh tế thị trường như ô nhiễm môi trường, lao động di cư, đô thị hoá... Nhưng vị thế xã hội của những tổ chức này chưa cao, do đó sự đóng góp cho các chính sách phát triển và giám sát hoạt động của doanh nghiệp và nhà nước chưa tương xứng với khả năng của họ (Vũ Duy Phú, 2008). Sẽ hiệu quả hơn nếu các nhóm này có thể liên kết để tạo ra những mạng lưới xử lý và theo dõi những chủ đề liên quan đến chính sách và thực thi chính sách, hỗ trợ cho sự phát triển bền vững.

Như vậy, bên cạnh nhà nước pháp quyền, kinh tế thị trường, các tổ chức xã hội ở Việt Nam, dù còn khá là sơ khai, đã có sự phát triển khá mạnh mẽ trong thời gian vừa qua, điều cho phép định hình ở một xã hội hiện đại (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, 2010). Vấn đề là cần có hành lang pháp lý phù hợp hơn cho các tổ chức đó hoạt động và phát triển theo kịp với thực tiễn. Việc xây dựng một đạo luật về hội đã được bàn đến nhiều trong hơn chục năm qua với nhiều dự thảo khác nhau, trong đó có dự thảo do chính các tổ chức xã hội, đứng đầu là Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (VUSTA) đề xuất. Quốc hội khoá XII và XIII đã nhiều lần bàn tới luật này nhưng kết luận cuối cùng vẫn phải chờ đến sự xem xét của Quốc hội khoá XIV sắp tới.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Ngoại giao. 2007. Các tổ chức phi chính phủ nước ngoài. Truy cập từ <http://www.mofahcm.gov.vn>.
- Bộ Nội vụ. 2010. Vai trò các tổ chức xã hội đối với phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở nước ta trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường và xây dựng nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa: Cơ sở lý luận và thực tiễn. Báo cáo tổng quan Đề tài khoa học cấp Nhà nước KX.02.19/06-10, Hà Nội.
- Chương Thu. 2007. Đồng kinh Nghĩa thực và phong trào Nghĩa thực ở Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 2.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. 1977. Văn kiện Đảng 1930-1945.
- Nguyễn Đức Thành, Nguyễn Khắc Giang, Vũ Sỹ Cường. 2015. *Ước lượng chi phí kinh tế cho các tổ chức quần chúng công cộng ở Việt Nam*. Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VRPR), Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
- Phạm Bích San. 2003. Các báo cáo đánh giá hiệu quả của Dự án Dân số - Sức khỏe gia đình/ Báo cáo đánh giá tác động của Dự án Dân số - Sức khỏe gia đình. Ủy Ban Dân số, Gia đình Việt Nam, Nxb Y học, Hà Nội.

- Phạm Bích San. 2009. Tư vấn, Phân biện và Giám định xã hội: Từ tự phát tới chuyên nghiệp. *Bản tin Hoạt động các Hội khoa học và kỹ thuật*, số 8.
- Thayer, Carlyle. 2009. Vietnam and the challenge of political civil society. *Contemporary Southeast Asia*, No.31(1): 1-27.
- Tư Giang. 2015. Công đoàn là của ai? *Thời báo Kinh tế Sài Gòn*, ngày 23/7/2015.
- Tuong Lai và Phạm Bích San. 1989. Khảo sát xã hội học về những cộng đồng người Kinh sinh tụ và phát triển tại Tây Nguyên, *Tạp chí Xã hội học*, số 2.
- Tuong Lai. 1995. *Khảo sát xã hội học về phân tầng xã hội*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. 2010. Cơ sở lý luận và thực tiễn của sự hình thành và phát triển xã hội dân sự định hướng Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong giai đoạn 2011-2020. Báo cáo Đề tài cấp Nhà nước KX.10.09, Hà Nội.
- Vũ Duy Phú (Chủ biên). 2008. *Xã hội dân sự: một số vấn đề chọn lọc*. Nxb Tri thức, Hà Nội.

Xã
đến mọi n
hành tế, đ
cơ sở địa t
trung ch
hàng đ
hà là "p
nào việc q
của công
kết quả k
Tư
người dân
đào tạo, th
sự đổi v
vào xã h
giúp cho
tới như
Và
quan hệ
đây là
nào đến
tích h
thời đ
sự t
hội V
hướng
gia
" H